

Số: 56/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách
nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 245/2025/QH15 về dự toán
ngân sách nhà nước năm 2026; số 246/2025/QH15 về phân bổ ngân sách trung
ương năm 2026;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
275/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2638/QĐ-TTg ngày
03 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số
2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc giao chi tiết dự toán ngân
sách nhà nước năm 2026; số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc
giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ
quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 705/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2025 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm
2026, tỉnh Thanh Hóa; số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về Kế
hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa; Nghị
quyết số 37/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc điều chỉnh Kế hoạch
đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 1);*

*Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân
sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2); Báo cáo thẩm tra số
1153/BC-KTNS ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
Kỳ họp.*



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh 1.073.967 triệu đồng, trong đó:

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 07 nhiệm vụ, dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh để bố trí cho 19 dự án, với số vốn: 1.011.569 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 10 dự án từ nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước để bố trí cho 03 dự án, với số vốn: 62.398 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tại Nghị quyết số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 DO TỈNH QUẢN LÝ (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		19.859.266	12.581.332	5.762.691	1.975.033	14.096.575	10.606.299	1.539.521	1.073.967	1.073.967	1.539.521		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		8.455.858	6.534.762	85.181	85.000	8.370.677	6.449.762	1.105.753	1.073.967		31.786		
A.I	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		552.415	492.500			552.415	492.500	1.011.569	1.011.569				
I	Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính								360.000	360.000				
II	Bố trí vốn cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số								195.400	195.400				
III	Bố trí vốn cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo								425.169	425.169				
IV	Bố trí vốn thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư, nâng cấp, cải tạo công sở UBND cấp xã								6.000	6.000				
V	Dự án khởi công mới năm 2026		552.415	492.500			552.415	492.500	25.000	25.000				
1	Đường giao thông từ xã Thanh Quân đi xã Thanh Phong (Vùng CT 229)		235.000	235.000			235.000	235.000	10.000	10.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Đầu tư tuyến đường nối Quốc lộ 45 xã Yên Định đi tỉnh lộ 506C và 516B xã Yên Ninh		199.915	140.000			199.915	140.000	8.000	8.000			UBND xã Yên Định	



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoà đến đường tỉnh 516D, xã Định Tân		117.500	117.500			117.500	117.500	7.000	7.000			UBND xã Định Tân	
A.II	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC		7.903.443	6.042.262	85.181	85.000	7.818.262	5.957.262	94.184	62.398		31.786		
I	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026		167.000	166.819	85.181	85.000	81.819	81.819	50.184	19.798		30.386		
I	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	167.000	166.819	85.181	85.000	81.819	81.819	50.184	19.798		30.386	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông	
II	Dự án khởi công mới năm 2026		160.000	160.000			160.000	160.000	30.000	30.000				
1	Cải tạo, nâng cấp nhà khách đối ngoại Biên phòng và nhà Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng		25.000	25.000			25.000	25.000	10.000	10.000			Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
2	Nhà khách Sầm Sơn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		135.000	135.000			135.000	135.000	20.000	20.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
III	Dự án chuẩn bị đầu tư		7.576.443	5.715.443			7.576.443	5.715.443	14.000	12.600		1.400		
1	Đường tuần tra biên giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội từ bản Cơn đi bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi		200.000	200.000			200.000	200.000	2.000	2.000			Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
2	Đường tuần tra biên giới gắn với phát triển kinh tế - xã hội từ bản Pùng đi Mốc 284, 285, xã Quang Chiêu		70.000	70.000			70.000	70.000	1.000	1.000			Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
3	Cải tạo, nâng cấp doanh trại d40/c762 (cũ) làm Trung tâm bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng - an ninh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	255/QĐ-BCH ngày 05/3/2026	537	537			537	537	1.000	500		500	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Đầu tư xây dựng 05 doanh trại Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực (khu vực 1 - Triệu Sơn; khu vực 2 - Hà Trung; khu vực 3 - Ngọc Lặc; khu vực 4 - Hồi Xuân; khu vực 5 - Tĩnh Gia)		1.100.000	1.100.000			1.100.000	1.100.000	4.000	4.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
5	Doanh trại Đội quy tập mộ liệt sĩ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	144/QĐ-BCH ngày 04/02/2026	906	906			906	906	1.000	100		900	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
6	Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, phường trên địa bàn tỉnh		6.120.000	4.284.000			6.120.000	4.284.000	4.000	4.000			Công an tỉnh	
7	Cải tạo, nâng cấp đường tránh phía Bắc		85.000	60.000			85.000	60.000	1.000	1.000			UBND xã Yên Định	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		11.403.408	6.046.570	5.677.510	1.890.033	5.725.897	4.156.537	433.768		1.073.967	1.507.735		
B.I	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		11.004.775	5.667.109	5.520.655	1.752.350	5.484.119	3.914.759	409.258		1.011.569	1.420.827		
I	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài		2.507.788	761.508	1.820.795	481.054	686.993	280.454	13.000		71.630	84.630		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		193.511	7.666	191.881	6.036	1.630	1.630			1.630	1.630		
1	Cải tạo, sửa chữa một số phòng cho các bệnh viện thụ hưởng Dự án hỗ trợ y học từ xa tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức với một số bệnh viện địa phương, sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức.	5433/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	1.617	1.617	1.536	1.536	81	81			81	81	Sở Y tế	

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Hợp phần hệ thống kênh Bắc sông Chu - Nam Sông Mã, dự án hồ chứa nước Cửa Đạt tỉnh Thanh Hóa (nguồn TPCP)	5026/QĐ-BNN-TC ngày 23/12/2022	191.894	6.049	190.345	4.500	1.549	1.549			1.549	1.549	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026		2.314.277	753.842	1.628.914	475.018	685.363	278.824	13.000		70.000	83.000		
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/5/2017; 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023; 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024; 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023; 1752/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	2.314.277	753.842	1.628.914	475.018	685.363	278.824	13.000		70.000	83.000	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
II	Các dự án do cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư bàn giao về cấp tỉnh quản lý		3.322.634	2.268.788	1.459.626	464.968	1.863.008	1.803.820	238.758		162.836	401.594		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		285.173	55.644	269.529	40.000	15.645	15.644			15.644	15.644		
1	Trụ sở làm việc Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các khối đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thành phố Sầm Sơn	4160/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	242.738	13.526	229.212		13.526	13.526			13.526	13.526	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Nâng cấp, cải tạo đề tà sông Hoạt đoạn từ trạm bơm Đông Thôn xã Yên Dương đến cầu Hà Thanh xã Hoạt Giang	4065/QĐ-UBND ngày 11/10/2024; 3667/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	42.435	42.118	40.317	40.000	2.118	2.118			2.118	2.118	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2026		390.505	225.255	249.250	84.000	141.255	141.255	68.600		25.000	93.600		
1	Đường từ Quốc lộ 10 đi Khu du lịch Hải Tiến huyện Hoằng Hóa (giai đoạn I)	689/QĐ-UBND ngày 05/5/2022; Số 5615/QĐ-UBND ngày 26/12/2024; Số 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	390.505	225.255	249.250	84.000	141.255	141.255	68.600		25.000	93.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
c	Dự án hoàn thành sau năm 2026		2.646.956	1.987.889	940.847	340.968	1.706.109	1.646.921	170.158		122.192	292.350		
1	Mở rộng Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa (đoạn từ cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông)	168/QĐ-UBND ngày 03/01/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	269.000	264.238	10.623	10.000	258.377	254.238	51.000		18.000	69.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Đại lộ Nam Sông Mã giai đoạn 2, đoạn từ phường Quảng Hưng đến hết địa phận phường Quảng Tâm	8019/QĐ-UBND ngày 13/9/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	1.442.527	1.273.351	440.144	270.968	1.002.383	1.002.383	89.000		22.000	111.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	1241/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 2732/QĐ-UBND ngày 08/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	500.000	198.708	246.243		253.757	198.708	1.808		57.192	59.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
4	Đường giao thông xã Thành Thọ, Thành An, Ngọc Trạo, Thành Tâm, huyện Thạch Thành (GĐ1)	1576/QĐ-UBND ngày 21/5/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	128.760	128.760	40.000	40.000	88.760	88.760	11.500		10.000	21.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
5	Đường nối QL 1A với QL 45 từ xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (đoạn từ nút giao với QL1A đến cầu vượt sông Mã)	3376/QĐ-UBND ngày 24/8/2023; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	306.669	122.832	203.837	20.000	102.832	102.832	16.850		15.000	31.850	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
III	Các dự án do tỉnh quản lý		5.174.352	2.636.813	2.240.234	806.328	2.934.118	1.830.485	157.500		777.103	934.603		

H. THANH

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		193.537	40.722	163.813	10.998	29.724	29.724			29.724	29.724		
1	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư ở các xã Hoàng Tiến, Hoàng Ngọc, Hoàng Đạo để thực hiện dự án: Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoàng Hoá	510/QĐ-UBND ngày 13/2/2026	114.868	10.623	104.245		10.623	10.623			10.623	10.623	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Súa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn	1546/QĐ UBND ngày 27/5/2026	54.060	5.490	49.969	1.399	4.091	4.091			4.091	4.091	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	
3	Xây dựng khu tái định cư tại khu dân cư HD-02 thuộc khu dân cư Trường Đại học Hồng Đức, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	3104/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	13.325	13.325			13.325	13.325			13.325	13.325	Trung tâm phát triển quỹ đất	
4	Xây dựng hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Hungary	536/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	11.284	11.284	9.599	9.599	1.685	1.685			1.685	1.685	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2026		921.000	921.000	570.013	570.013	350.987	350.987	107.000		70.000	177.000		
1	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 494/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; 2474/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	921.000	921.000	570.013	570.013	350.987	350.987	107.000		70.000	177.000	Sở Xây dựng	
c	Dự án hoàn thành sau năm 2026		4.059.815	1.675.091	1.506.408	225.317	2.553.407	1.449.774	50.500		677.379	727.879		



STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán); dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá	4050/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	3.339.953	973.229	1.275.774	12.683	2.064.179	960.546	20.500		645.879	666.379	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	
2	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C)	103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	631.862	613.862	165.634	147.634	466.228	466.228	30.000		16.500	46.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa	1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 3960/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	88.000	88.000	65.000	65.000	23.000	23.000			15.000	15.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	
B.II	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC		398.633	379.461	156.855	137.683	241.778	241.778	24.510		62.398	86.908		
I	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		33.991	21.488	30.186	17.683	3.805	3.805			3.805	3.805		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng Quốc Công Đào Duy Từ, xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia	1782/QĐ-UBND ngày 18/6/2026	33.991	21.488	30.186	17.683	3.805	3.805			3.805	3.805	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	
II	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2026		348.155	341.486	126.669	120.000	221.486	221.486	24.510		56.593	81.103		
1	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 3598/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	348.155	341.486	126.669	120.000	221.486	221.486	24.510		56.593	81.103	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
III	Dự án chuẩn bị đầu tư		16.487	16.487			16.487	16.487			2.000	2.000		
1	Đầu tư xây dựng đường Quốc lộ 45 đoạn tiếp giáp với tỉnh Ninh Bình đi trung tâm tỉnh Thanh Hóa	482/QĐ-BQLDA ngày 22/6/2026	16.487	16.487			16.487	16.487			2.000	2.000	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông	

